



树 林

shùlín · thụ lâm · rừng cây

shù

一 丨 丿 ㇀ ㇀ ㇀ ㇀ 树 树

树 树 树 树

lín

一 丨 丿 ㇀ ㇀ ㇀ 材 林

林 林 林 林